

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/3/2024.

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Gia Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Minh T - sinh năm 1955 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Hồng A - sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/8/2023 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Minh T trình bày: Năm 1984, bà và ông Phạm Hồng A sống chung vợ chồng không có đăng ký kết hôn, việc sống chung với nhau là do hai bên tự nguyện, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đến năm 1992 ông A bỏ mẹ con bà về ở tại Thôn 3, xã H, huyện Bc, tỉnh Bình Thuận cho đến nay, trong thời gian đó không có gặp nhau hàn gắn hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng A. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Thanh N – sinh năm 1985, Phạm Hồng T1 – sinh năm 1991 và Phạm Thị Kim C – sinh năm 1993 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Hồng A để tổng đạt văn bản tố tụng, nhưng ông Phạm Hồng A cố tình vắng mặt. Do đó, vụ án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của bà Hồ Thị Minh T và ông Phạm Hồng A không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa vì bà Hồ Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Phạm Hồng A triệu tập nhiều lần không đến Tòa làm việc. Căn cứ điểm Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Hồ Thị Minh T và ông Phạm Hồng A.

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2024 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự trình bày yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2]Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Mặc dù ông A và bà Nhung đã chung sống với nhau như vợ chồng từ 1984 không có đăng ký kết hôn, nhưng xét ông A và bà Nhung đã chung sống trước ngày 03/1/1987 là ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1987 được công bố. Vì vậy, theo Nghị Quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hôn nhân của ông A và bà Nhung có giá trị pháp lý, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp (Hôn nhân thực tế). Bà Hồ Thị Minh T khai nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, năm 1992 ông A bỏ mẹ con bà về ở tại Thôn 3, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cho đến nay, trong thời gian đó không có gặp nhau hàn gắn hạnh phúc. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của bà Hồ Thị Minh T và ông Phạm Hồng A rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Minh T.

[3]Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4]Về tài sản và nợ: Bà Hồ Thị Minh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hồ Thị Minh T – sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Phạm Hồng A không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Minh T đối với ông Phạm Hồng A. Bà Hồ Thị Minh T được ly hôn với ông Phạm Hồng A.

3. Về án phí, lệ phí: Bà Hồ Thị Minh T – sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Phạm Hồng A không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị Minh T và ông Phạm Hồng A vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Nơi đăng ký kết hôn UBND xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ung Thanh Quang

